

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN N  
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **07/2021/HS-ST**  
Ngày: 28-5-2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH BẮC KẠN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Út Lê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đào Việt Hưng

2. Ông Doanh Thiêm Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lý Sinh Hà – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa:** Bà Vương Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

**Phạm Văn T;** (Tên gọi khác: Không có). Sinh ngày 26 tháng 4 năm 1973 tại huyện P, tỉnh Hưng Yên. Nơi ĐKKHKT: TK 2, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Chỗ ở hiện nay: TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: Lớp 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm Văn V, sinh năm 1947 và bà Đào Thị H (đã chết); Bị cáo có vợ là Nông Thị X, sinh năm 1990 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 31/10/2020 đến ngày 03/11/2020 thì được hủy bỏ biện pháp ngăn chặn và áp dụng lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú đến ngày 03/5/2021. Hiện đang tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Nông Thị X, sinh năm 1990 - Nơi cư trú: TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt.

**- Người chứng kiến:** Ông Phạm Công C, sinh năm 1959 - Nơi cư trú: TK 2, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Vắng mặt không có lý do.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 06 giờ 35 phút, ngày 31/10/2020, Tổ công tác Công an huyện N phối hợp cùng với Công an thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn làm nhiệm vụ trên địa bàn thị trấn N1, phát hiện đối tượng Phạm Văn T, sinh năm 1973, trú tại: TK 2, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn điều khiển xe mô tô BKS 89K4-1437, sau xe có chở hai cháu nhỏ có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra đối với T. Do lo sợ nên T đã dùng tay trái ném 04 (bốn) gói nhỏ chất bột màu trắng, nghi là Heroine, mỗi gói được gói bằng một lớp giấy mặt bên trong màu trắng, mặt bên ngoài mạ lớp kim loại màu vàng ra khu vực ta luy âm trên đường dân sinh thuộc TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Tiếp tục kiểm tra phát hiện trong túi quần bên trái T đang mặc 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA (đen trắng), màu xám. Tổ công tác tiến hành lập biên bản phạm tội quả tang, tiến hành niêm phong 04 (bốn) gói ma túy trên, sau đó yêu cầu Phạm Văn T đến Công an huyện N để làm rõ. Cùng ngày, cơ quan cảnh sát điều tra phối hợp cùng các Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường vụ án.

Cùng ngày, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét nhà ở của Phạm Văn T tại TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Qua khám xét phát hiện và thu giữ 05 (năm) gói nhỏ chất bột màu trắng, nghi là heroine ở các vị trí khác nhau, cụ thể: 01 (một) gói nhỏ tại đế quạt gắn trên tường trong phòng khách; 01 (một) gói nhỏ trên nóc phía bên trái bàn học bằng nhựa màu hồng trong buồng ngủ; 01 (một) gói nhỏ tại túi áo khoác màu hồng treo trong buồng ngủ; 01 (một) gói nhỏ trên nóc tủ quần áo kê trong buồng ngủ và 01 (một) gói nhỏ trong mũ bảo hiểm dưới gầm bàn để tivi trong phòng khách. Ngoài ra còn tạm giữ số tiền 5.200.000đ (năm triệu hai trăm nghìn đồng) trong ngăn bàn học trong buồng ngủ; số tiền 8.550.000đ (tám triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) tại ngăn tủ quần áo trong buồng ngủ.

Để xác định khối lượng đối với số ma túy (heroine) đã thu giữ, cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện N đã tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng chất bột màu trắng đã thu giữ của Phạm Văn T. Kết quả: Tổng số chất bột màu trắng đã thu giữ của Phạm Văn T có trọng lượng (khối lượng) 1,38g (một phẩy ba mươi tám gam), Cơ quan điều tra niêm phong, ký hiệu H1, H2, H3, H4, H5 và H6 gửi Phòng Kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn để giám định.

Tại bản kết luận giám định số 155/KTHS-MT, ngày 08/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu H1, H2, H3, H4, H5; H6 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng trọng lượng (khối lượng) là 1,38g (một phẩy ba mươi tám gam)”.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Văn T khai nhận: Khoảng 06 giờ 30 ngày 31/10/2020, T điều khiển xe mô tô Wave màu xám có BKS 89K4-1437 của ông Phạm Văn V (bố đẻ của T), chở theo hai con nhỏ từ nhà ở thuộc TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn với mục đích là để đi giúp vợ dọn hàng ở chợ N1. Khi đi, T mang theo 04 (bốn) gói nhỏ ma túy (Heroine) để sử dụng cho bản thân, T cầm ở trong lòng bàn tay trái,

khi đến khu vực gần đường Quốc lộ 3 thì Tổ công tác Công an huyện N yêu cầu dừng xe để kiểm tra. Do lo sợ bị phát hiện về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên T đã ném 04 (bốn) gói nhỏ ma túy nêu trên xuống bụi cỏ ven đường. Sau đó, Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra người, phương tiện rồi lập biên bản thu giữ số ma túy mà T đã vứt xuống bụi cỏ trước đó. Ngoài ra, còn tạm giữ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia đen trắng, có bàn phím bấm và 01 xe mô tô BKS 89K4-1437. Tiếp đến, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành khám xét khẩn cấp tại nhà ở và khu vực liên quan, phát hiện và thu giữ của T thêm 05 (năm) gói nhỏ chất ma túy (heroine) và tạm giữ số tiền 13.750.000 đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Về nguồn gốc số ma túy (heroine) mà cơ quan điều tra đã thu giữ khi lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và khám xét tại nhà của Phạm Văn T đều là ma túy, loại Heroine của T do T mua với hai người đàn ông không quen biết tại thị trấn P, huyện B, tỉnh Bắc Kạn và xã B, huyện N, tỉnh Bắc Kạn. Mục đích để sử dụng cho bản thân, ngoài ra không có mục đích gì khác. Chiếc xe mô tô BKS 89K4-1437 thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn V (bố đẻ của T) cho T mượn để làm phương tiện đi lại; Chiếc điện thoại nhãn hiệu Nokia dùng để liên lạc với gia đình, không sử dụng vào việc mua bán ma túy. Riêng số tiền 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản chung của hai vợ chồng do bán hạt dẻ của gia đình có được.

Lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nông Thị X, sinh năm 1990, trú tại TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn: Chị X là vợ của Phạm Văn T, chị biết T nghiện ma túy, chị đã nhắc nhở nhiều lần nhưng T không nghe. Cho đến khi cơ quan Công an đến khám xét tại nhà thì chị mới biết T tàng trữ ma túy để sử dụng cho bản thân. Chiếc xe mô tô BKS 89K4-1437 là của bố chồng chị, ông Phạm Văn V cho T mượn để làm phương tiện đi lại hàng ngày và thỉnh thoảng chị có sử dụng chiếc xe để đưa đón con đi học và đi chợ. Đối với số tiền 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản chung của hai vợ chồng do bán hạt dẻ của gia đình có được. Chị đề nghị Cơ quan công an tạo điều kiện trả lại số tiền trên cho gia đình chị.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSNS, ngày 31 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

#### *Tại phiên tòa:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N giữ nguyên quan điểm truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Đề nghị xử lý bị cáo như sau:

Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 02 (hai) năm tù, được trừ đi thời gian bị cáo đã bị tạm giữ từ ngày 31/10/2020 đến 03/11/2020.

Về xử lý vật chứng trong vụ án: Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy hoàn lại sau giám định và bao gói cũ thu giữ của bị cáo; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, vỏ màu xám, viền màu đen, có bàn phím bấm, trong máy có gắn thẻ sim, điện thoại cũ đã qua sử dụng. Trả lại cho bị cáo và chị Nông Thị X số tiền 13.750.000đ (Mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về án phí: Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Phạm Văn T khai nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận, bào chữa hay khiếu nại gì. Lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo

Hồi 06 giờ 35 phút, ngày 31/10/2020, Phạm Văn T, sinh năm 1973, trú tại TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn điều khiển xe mô tô BKS 89K4-1437 từ nhà ở để đi chợ N1. Do bản thân nghiện ma túy, trước khi đi, T mang theo 04 (bốn) gói nhỏ ma túy (heroin), mục đích để sử dụng cho bản thân, khi đến đoạn đường dân sinh thuộc TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn thì bị phát hiện và thu giữ toàn bộ tang vật. Ngoài ra, khi khám xét tại nhà của T còn phát hiện và thu giữ thêm 05 (năm) gói nhỏ ma túy (heroin). Tại bản kết luận giám định số 155/KTHS-MT, ngày 08/11/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Bắc Kạn kết luận: “*Mẫu chất bột màu trắng trong phong bì ký hiệu H1, H2, H3, H4, H5; H6 gửi giám định là ma túy, loại Heroine, có tổng trọng lượng (khối lượng) là 1,38 g (một phẩy ba tám gam)*”.

Vì vậy, hành vi của Phạm Văn T đã phạm vào tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015.

### **Điều luật có nội dung:**

*1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:*

.....

*c) Heroine..... có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;*

Bị cáo là công dân có đủ khả năng nhận thức và điều khiển được hành vi của bản thân trong cuộc sống, buộc bị cáo phải biết được ma túy là chất gây nghiện do Nhà nước độc quyền quản lý, mọi hành vi trái pháp luật xâm phạm đến đều bị trừng trị nghiêm minh. Song do ý thức coi thường pháp luật, không chịu tu dưỡng đạo đức, lối sống, bị cáo đã nghiện ma túy và đã cố ý thực hiện hành vi tàng trữ trái phép 1,38g (một phẩy ba tám gam) ma túy (Heroine).

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sự độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, chính trị tại địa phương, là nguyên nhân làm lây lan, phát sinh nhiều tệ nạn nguy hiểm xã hội và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Việc Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định khởi tố vụ án, tiến hành điều tra và Viện kiểm sát nhân dân huyện N quyết định truy tố bị cáo trước Tòa án để xét xử về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng quy định của pháp luật, đúng với diễn biến khách quan của vụ án, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo

Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Ngoài ra, bị cáo có bố đẻ là ông Phạm Văn V là đối tượng được hưởng chính sách thương binh. Do vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Về hình phạt đối với bị cáo

Về hình phạt chính: Với tính chất vụ án và mức độ của hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử thấy cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người tốt và phòng ngừa chung cho xã hội. Đề nghị mức hình phạt của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo là đối tượng nghiện chất ma túy, không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo do đó không xem xét áp dụng.

[5] Về xử lý vật chứng trong vụ án

Số ma túy (Heroine) hoàn lại sau khi giám định là vật cấm lưu hành nên cần tịch thu tiêu hủy; Các phong bì cũ, bao gói cũ, xét không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động bị thu giữ là tài sản của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bị cáo xác định chiếc điện thoại đã cũ không có giá trị sử dụng và không yêu cầu lấy lại. Do đó, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với số tiền 13.750.000đ (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) là tài sản chung của bị cáo và vợ là chị Nông Thị X, sinh năm 1990, trú tại TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo và chị X.

Đối với 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, màu xám BKS 89K4-1437, tạm giữ trong quá trình lập biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 31/10/2020. Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của ông Phạm Văn V (bố đẻ của T) không liên quan đến hành vi phạm tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Xét việc trả lại chiếc xe là hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các vấn đề liên quan trong vụ án: Đối với 02 (hai) người đàn ông không quen biết theo lời khai của T là người đã bán ma túy (heroin) cho T tại thị trấn P, huyện B và tại xã B, huyện N, quá trình điều tra không xác định được danh tính, địa chỉ cụ thể, nên không đủ căn cứ làm rõ, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính phủ và có đơn xin miễn án phí, do vậy bị cáo được miễn toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm c, khoản 1 Điều 249, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

Xử phạt bị cáo 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo vào trại thụ hình, được trừ đi thời hạn bị tạm giữ từ ngày 31/10/2020 đến 03/11/2020.

2. Về xử lý vật chứng trong vụ án: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017), khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

#### **2.1. Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu hoàn trả, ký hiệu T155. Mặt trước phong bì ghi dòng chữ “Vụ: Phạm Văn T (1973) Tàng trữ trái phép chất ma túy”, mặt sau phong bì có 02 (hai) dấu tròn đỏ giáp lai của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Kạn và 02 (hai) chữ ký không rõ hình.

- 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi dòng chữ “Phong bì niêm phong cũ, giấy gói cũ, nilon cũ thu giữ của Phạm Văn T, ký hiệu H7”; Mặt sau phong bì có 01 (một) dấu tròn đỏ giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện N, tỉnh Bắc Kạn, 06 (sáu) chữ ký không rõ hình và các dòng chữ ghi họ tên Bùi Huy C, Ngô Ngọc Đ, Phạm Văn T, Cao Sinh N, Chu Thanh T, Tô Thị T.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, vỏ màu xám, viền màu đen, có bàn phím bấm, số IMEI: 354872/02/157521/6, trong máy có gắn 01 thẻ sim, trên bề

mặt sim có số 8984048000074909222, điện thoại cũ đã qua sử dụng, bất không lên nguồn.

2.2. Trả lại cho bị cáo và chị Nông Thị X, sinh năm 1990, trú tại TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn số tiền 13.750.000đ (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) được niêm phong trong phong bì ký hiệu V1, mặt trước ghi vật chứng 13.750.000đ (mười ba triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) thu giữ của Phạm Văn T ngày 31/10/2020 tại TK 3, thị trấn N1, huyện N, tỉnh Bắc Kạn, mặt sau có 02 (hai) chữ ký không đọc được, 02 (hai) dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện N ở nơi giáp lai.

*(Tình trạng, số lượng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 06/4/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N và Chi cục Thi hành án dân sự huyện N).*

3. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết 326/UBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn mười năm ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- VKSND tỉnh;
- CA huyện;
- Trại tạm giam CA tỉnh;
- Chi cục THADS huyện;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- Người có QLNV liên quan;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Hoàng Út Lệ**